

3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | Kết quả đánh giá |
|---|---|------------------|
| 1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ. | | |
| Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, bao gồm các yếu tố như công suất, hiệu suất của máy móc, thiết bị; mức tiêu hao điện năng, nguyên nhiên vật liệu. | Có đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất; Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ hoàn toàn phù hợp, đáp ứng yêu cầu của E-HSMT quy định tại Chương V. | Đạt |
| | Không đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất hoặc Không có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ phù hợp, đáp ứng yêu cầu của E-HSMT quy định tại Chương V. | Không đạt |
| 2. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa | | |
| 2.1. Công tác tổ chức cung cấp, lắp đặt bao gồm cả bàn giao, đào tạo vận hành. | Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp lắp đặt hàng hóa (bao gồm cả bàn giao, đào tạo, hướng dẫn vận hành) hợp lý, khả thi, phù hợp với yêu cầu E-HSMT. | Đạt |
| | Không có hoặc có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp lắp đặt hàng hóa (bao gồm cả bàn giao, đào tạo, hướng dẫn vận hành) nhưng không hợp lý, không khả thi, hoặc không phù hợp với yêu cầu E-HSMT. | Không đạt |
| 2.2. Độ bền thiết bị | Có thuyết minh về độ bền của thiết bị và cam kết đảm bảo về giá thành sửa chữa, thay thế phụ tùng hợp lý. | Đạt |
| | Không có thuyết minh về độ bền của thiết bị cũng như giá thành sửa chữa, thay thế phụ tùng. | Không đạt |
| 2.3. Mức độ đảm bảo vệ sinh môi trường | Có thuyết minh và cam kết đảm bảo VSMT về: chống rò rỉ nhiên liệu, chống ồn, giảm lượng khí thải, dung môi điều hòa. | Đạt |
| | Không có thuyết minh và cam kết đảm bảo VSMT về: chống rò rỉ nhiên liệu, chống ồn, giảm lượng khí thải, dung môi điều hòa. | Không đạt |
| 3. Tiến độ cung cấp hàng hóa | | |
| Tiến độ cung cấp hàng hóa | Có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa phù hợp với yêu cầu của E-HSMT | Đạt |

| | | |
|---|--|-----------------|
| | Không có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa phù hợp với yêu cầu của E-HSMT. | Không đạt |
| 4. Tác động đối với môi trường | | |
| Hàng hóa được cung cấp có Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. | Thuyết minh về Hàng hóa được cung cấp không có ảnh hưởng tác động nhiều đến môi trường và Có cam kết cung cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp. | Đạt |
| | Có cam kết cung cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp. | Chấp nhận được |
| | Không có cam kết cung cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp. | Không đạt |
| 5. Bảo hành, bảo trì, sửa chữa | | |
| Thời gian Bảo hành. | - Xe sát xi: ≥ 36 tháng hoặc ≥ 100.000 km (tùy theo điều kiện nào đến trước) kể từ ngày nghiệm thu giao hàng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất; - Hệ chuyên dùng: ≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu giao hàng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất (Trường hợp thời gian bảo hành của nhà sản xuất lớn hơn thì theo thời gian bảo hành của nhà sản xuất). | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| Công tác bảo trì, sửa chữa | Có cơ sở bảo hành, bảo dưỡng có địa chỉ tại khu vực Hà Nội hoặc trong phạm vi bán kính 20 km xung quanh khu vực Hà Nội, có Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng còn hiệu lực, có khả năng sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu như bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư. | Đạt |
| | Có cơ sở bảo hành, bảo dưỡng có địa chỉ tại các khu vực khác ngoài phạm vi bán kính 20km xung quanh khu vực Hà Nội, có Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng còn hiệu lực, Có giải pháp khắc phục chi tiết hợp lý khả thi đảm bảo khả năng sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu như bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được | Chấp nhận được. |

| | | |
|--|---|------------------|
| | yêu cầu của Chủ đầu tư. | |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 6. Cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa | | |
| Giải pháp kế hoạch cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa | Có đề xuất giải pháp kế hoạch hợp lý khả thi | Đạt |
| | Không đề xuất hoặc có đề xuất giải pháp kế hoạch nhưng không hợp lý, khả thi. | Không đạt |
| 7. Các yếu tố về thời gian thực hiện, đào tạo, chuyển giao công nghệ | | |
| Thời gian thực hiện, đào tạo, chuyển giao công nghệ hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp | Có thời gian thực hiện, đào tạo, chuyển giao công nghệ hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp. | Đạt |
| | Thời gian thực hiện, đào tạo, chuyển giao công nghệ không hợp lý, khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp. | Không đạt |
| 8. Uy tín của nhà thầu | | |
| Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó trong thời gian 3 năm gần đây, tính đến thời điểm đóng thầu. | Không có hoặc có 01 hợp đồng (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022. | Đạt |
| | Có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2022. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chí tổng quát 1÷8 được đánh giá là đạt | Đạt |
| | Có 1 tiêu chí tổng quát được đánh giá là không đạt. | Không đạt |

- ❖ Tiêu chí tổng quát 4,5 được đánh giá là đạt khi các tiêu chí chi tiết được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.